

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Quân.

Bà Thái Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số nhà, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Bà Lâm Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số nhà, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Vào ngày 15/9/2017, ông Trần Văn H có hợp đồng bán mía hom cho ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 với số mía là 12.625kg, giá 1.000 đồng/kg với

tổng số tiền ông T và bà T1 phải trả cho ông Huân là 12.625.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trước khi bán mía ông H và ông T có giao kèo đôn mía xuống ghe đi bán, khi về sẽ trả đủ tiền. Sau khi bán mía xong ông T và bà T1 không trả tiền cho ông H, mặc dù ông H đã đến nhà yêu cầu trả tiền nhưng ông T và bà T1 chỉ hẹn chứ không trả.

Nay ông H yêu cầu như sau:

Yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông H số tiền nợ trong hợp đồng mua bán mía là 12.625.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa ông H trình bày do ông chưa trừ tiền cọc 1.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền cọc 1.000.000 đồng, ông H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông H số tiền nợ trong hợp đồng mua bán mía là 11.625.000 đồng (mười một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị T1 trình bày: Bà T1 thừa nhận vào ngày 15/9/2017, ông Trần Văn H với bà và chồng là ông Nguyễn Văn T với có hợp đồng bán mía hom cho với số mía là 12.625kg, giá 1.000 đồng/kg với tổng số tiền vợ chồng bà phải trả cho ông H là 12.625.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trước khi bán mía vợ chồng bà và ông H có giao kèo đôn mía xuống ghe đi bán, khi về sẽ trả đủ tiền. Sau khi bán mía xong ông và bà T1 không trả tiền cho ông H, mặc dù ông H đã đến nhà yêu cầu trả tiền nhưng ông và bà T1 chỉ hẹn chứ không trả. Khi mua bán không lập thành văn bản hợp đồng.

Nay bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền mua bán mía hom 12.625.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhưng vợ chồng bà đã trả tiền cọc 1.000.000 đồng, còn nợ lại 11.625.000 đồng, do lúc mua bán bị lỗ và hoàn cảnh gia đình làm ăn thất bại nên vợ chồng bà yêu cầu ông H cho vợ chồng bà trả số tiền 10.000.000 đồng, vợ chồng bà xin trả dần cho đến khi dứt nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này. Tòa án tiến hành đến nơi cư trú ông T để tiến hành lấy lời khai nhưng được chính quyền địa phương xác nhận là ông Nguyễn Văn T thường xuyên không có mặt ở nhà nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai ông T được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành

đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/10/2020, ông Trần Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn T. Tòa án tiến hành lấy lời khai bà T1 thì bà T1 xác định là có việc bà T1 cùng chồng là ông Nguyễn Văn T mua mía của ông Trần Văn H và còn nợ lại số tiền 12.625.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), vợ chồng bà đã trả tiền cọc 1.000.000 đồng, còn nợ lại 11.625.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình làm ăn thất bại nên vợ chồng bà yêu cầu ông H cho vợ chồng bà xin trả dần cho đến khi dứt nợ. Ông Nguyễn Văn T không có ý kiến cũng như không đến Tòa án là đã từ bỏ đi quyền lợi của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện ông Trần Văn H không cần phải chứng minh.

[4]. Theo trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn H khi hai bên tiến hành hợp đồng mua bán mía thì thỏa thuận đồn mía xuống ghe đi bán, khi về sẽ trả tiền. Khi mua bán nguyên đơn ông Trần Văn H đã giao tài sản cho bị đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 đã nhận tài sản xong nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bị đơn Nguyễn Văn T, Lâm Thị T1 phải trả tiền mua mía của ông H là 11.625.000 đồng theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 357, khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 liên đới trả cho ông H số tiền là 11.625.000 đồng (mười một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T phải chịu 581.250 đồng (năm trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 315.000 đồng (ba trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003023 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Hường